



DOI:10.22144/ctujos.2025.176

TRUYỆN NGẮN NỮ VIỆT NAM 1975-1985 NHÌN TỪ GIỌNG ĐIỀU TRẦN THUẬT

Hồ Tiểu Ngọc^{1*} và Hoàng Thị Khánh Ly²

¹Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam

²Trung tâm Giáo dục thường xuyên số 3, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): htngoc1993@sgu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 11/06/2025

Sửa bài (Revised): 03/09/2025

Duyệt đăng (Accepted): 03/11/2025

Title: Vietnamese female short stories during the period 1975 - 1985 from the perspective of narrative tones

Author: Ho Tieu Ngoc^{1*} and Hoang Thi Khanh Ly²

Affiliation(s): ¹Saigon University, Viet Nam; ²Center for Continuing Education No.3, Da Nang city, Viet Nam

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 1975 đến 1985, nền văn học Việt Nam hiện đại trở mình mạnh mẽ, thể hiện tiêu biểu ở thể loại truyện ngắn. Sự xuất hiện ấn tượng và ngày càng mạnh mẽ của các nhà văn nữ đã ảnh hưởng đến giọng điệu nghệ thuật của văn chương đương đại, đặc biệt ở các vấn đề xã hội và tâm lý cá nhân sau chiến tranh. Trên cơ sở đó, ba loại giọng điệu chính của truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 được tiến hành nghiên cứu, đó là: tranh biện, đối thoại; suy luận, triết lý và xót xa, thương cảm. Qua sự kết hợp linh động các giọng điệu trần thuật, các nhà văn nữ đã định hình phong cách nghệ thuật truyện ngắn riêng biệt, góp phần khắc họa chân thực bối cảnh lịch sử và tâm hồn con người Việt Nam trong giai đoạn này.

Từ khóa: Giai đoạn 1975-1985, giọng điệu, nữ tính, tác giả nữ, truyện ngắn Việt Nam

ABSTRACT

The period from 1975 to 1985 witnessed a strong turnaround of modern Vietnamese literature, typically expressed in the short story genre. The prominent appearance of female writers changed the artistic tone of contemporary literature, especially in social issues and post-war personal psychology. On that basis, the paper conducts research on three main tones of female short stories in the period from 1975 to 1985, namely: dialogic debate, philosophical reasoning, and sorrowful sympathy. Through the flexible combination of narrative tones, female writers have shaped a distinct artistic style of short stories, contributing to the authentic portrayal of the historical context and the soul of the Vietnamese people in this period.

Keywords: Period 1975-1985, tone, femininity, female author, Vietnamese female short stories

1. GIỚI THIỆU

Văn học Việt Nam sau 1975 là giai đoạn có nhiều biến động đáng kể, đánh dấu cột mốc mới khi đất nước bước vào kỷ nguyên hoà bình, độc lập. Sự

đổi thay về bối cảnh lịch sử - xã hội đã dẫn đến sự chuyển biến mạnh mẽ của văn học ở cả phương diện nội dung lẫn hình thức nghệ thuật. Trường ca và truyện ngắn là các thể loại được ưu tiên trong sáng tác của các cây bút đương đại. Nếu như trường ca

chủ yếu bám sát cuộc kháng chiến trường kỳ và niềm vui hân hoan chiến thắng của dân tộc thì truyện ngắn lại khai thác những vấn đề nhức nhối về hiện thực cuộc sống và nhìn nhận lại giai đoạn đã qua bằng cảm hứng “nhận thức lại chiến tranh”.

Ở địa hạt truyện ngắn, trong 10 năm đầu hậu chiến 1975-1985, nhiều nhà văn mẫn cảm, gọi là đội ngũ tiên phong, đã nhanh chóng bắt nhịp, phản ánh hiện thực cuộc sống ở góc nhìn đa chiều, bước đầu chỉ ra được những góc khuất mà nền văn học cách mạng còn bỏ ngỏ. Trong đội ngũ tiên phong này, sự xuất hiện của các cây bút nữ đặc biệt gây chú ý với giọng điệu trần thuật giàu âm sắc nữ tính, mềm mại nhưng không kém phần sâu sắc.

Truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985 đã khai thác hiện thực cuộc sống và con người trước và sau chiến tranh ở góc nhìn giới giàu thiên tính nữ đặc trưng. Tuy không quá nổi bật so với các cây bút nam cùng thời, nhưng với giọng điệu trần thuật riêng biệt mang bản sắc nữ giới, các tác giả nữ đã khẳng định tiếng nói nghệ thuật một cách mạnh mẽ và giàu giá trị nhân văn, giúp xoa dịu hiện thực và “mềm hoá” nền văn học lý tính nặng khuôn khổ của một thời “quân lệnh” kháng chiến.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để thực hiện nghiên cứu giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985, nhiều phương pháp và thao tác đã được kết hợp để có cái nhìn toàn diện và sâu sắc, cụ thể:

– Phương pháp loại hình: Phương pháp này vận dụng những nguyên tắc loại hình trong lĩnh vực văn học, giúp tìm hiểu, nghiên cứu truyện ngắn theo đặc trưng giọng điệu ở các dạng thức biểu hiện cụ thể, từ nội dung tự sự đến các phương thức tự sự.

– Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp này giúp chúng tôi hiểu rõ hơn các vấn đề liên quan đến giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn nữ Việt Nam 1975-1985 ở các phương diện khác nhau về nội dung và hình thức.

– Ngoài ra, để nghiên cứu giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn của các nhà văn nữ Việt Nam 1975-1985, các thao tác phân loại và so sánh được sử dụng thêm nhằm xây dựng một khung phân tích có tính hệ thống và thực chứng. Các thao tác này được vận dụng để khai thác các đặc trưng cốt lõi của giọng điệu trần thuật thông qua các dẫn chứng phù hợp đồng thời làm sáng tỏ sự đa dạng và tính độc đáo trong cách thể hiện của từng tác giả.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, giọng điệu là: “Thái độ, tình cảm, lập trường, tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn, quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm...” (Nhiều, 1992, p. 134). Có thể hiểu đơn giản, giọng điệu là yếu tố cốt lõi giúp thể hiện quan điểm, tư tưởng và cảm xúc của tác giả thông qua ngôn ngữ. Nó là cách mà nhà văn giao tiếp với người đọc không chỉ qua câu chữ mà còn qua sự tinh tế trong việc lựa chọn từ ngữ, sắc thái tình cảm và cách nhìn nhận sự vật, sự việc.

Truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985 chứng kiến sự nỗ lực cách tân giọng điệu trần thuật của các cây bút nữ. Sự đa dạng của giọng điệu cho thấy sự phong phú trong lối tư duy, góp phần khẳng định phong cách của mỗi nhà văn. Khoảng thời gian 10 năm (1975-1985) không ngắn, cũng không dài, để tạo được tiếng vang thì chưa, nhưng để định hình lối viết, hướng phản ánh hiện thực cuộc sống thì vừa đủ. Các nhà văn nữ đã cho thấy khả năng chiếm lĩnh thực tiễn đời sống hậu chiến và tâm lý của con người hiện đại khi đối diện với quá khứ và hiện tại của đất nước. Các tác giả nữ như Lê Minh Khuê, Lê Thị Mây, Trần Thuỳ Mai, Vũ Thị Thường, Nguyễn Thị Như Trang, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Dương Thu Hương,... đã tạo nên dàn hợp xướng giọng điệu mang đậm sắc thái nữ tính, đầy kiêu hãnh, tự tin khi đối thoại, trần thuật về hiện thực cuộc sống mới. Có thể nói, dù mỗi người mỗi phong cách, giọng điệu riêng nhưng quy tụ lại trong các truyện ngắn giai đoạn này của họ là “tiếng nói của “cuộc đối thoại lớn” không khép kín và tách biệt nhau” (Nhiều, 1992, p. 123) về hiện thực cuộc sống mới sau chiến tranh. Giọng điệu trần thuật trong truyện ngắn của các nhà văn nữ giai đoạn 1975-1985 được tập trung khai thác ở các sắc thái: tranh biện, đối thoại; suy luận, triết lý và xót xa, thương cảm. Qua giọng điệu trần thuật, các tác giả nữ đã thể hiện tài năng sáng tạo cũng như tư duy nghệ thuật giàu tính nhân văn và triết lý, góp phần định hình giọng điệu nữ tính đặc thù trong nền văn học Việt Nam sau 1975 cho đến nay.

3.1. Giọng điệu tranh biện, đối thoại

Tự sự là phương thức mô phỏng hiện thực cuộc sống một cách chân thực và sinh động. Các nhà văn nữ trong giai đoạn 1975-1985 khéo léo lồng những câu chuyện cuộc đời đầy xúc động vào cốt truyện đặc sắc. Qua lối kể chuyện từ góc nhìn nữ giới, người đọc được trải nghiệm lối viết “tự ăn mình” (từ

dùng của Đặng Anh Đào) để đồng cảm với thế giới nội tâm phức tạp và đầy mâu thuẫn của nhân vật. Suy cho cùng, tác phẩm chính là công cụ truyền tải tư tưởng và tiếng nói của tác giả đến công chúng tiếp nhận; nói cách khác, tác phẩm là cách để tiếp tục cuộc đối thoại trong không gian ý thức xã hội và nghệ thuật. Truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985, vì vậy, thường chứa đựng những tình huống đối thoại và tranh luận sôi nổi, tạo nên sự cuốn hút cho tác phẩm.

Trong các truyện ngắn giai đoạn đầu hậu chiến, các nhà văn nữ đã khéo léo xây dựng bầu không khí đối thoại dân chủ, nơi các nhân vật tự do thể hiện, bảo vệ và giải thích quan điểm cá nhân. Những cuộc đối thoại này không chỉ đơn thuần là sự bộc lộ cá tính của từng chủ thể mà còn cho phép các nhân vật tương tác lẫn nhau một cách sống động và chân thực. Đặc biệt, nhà văn đã sử dụng giọng điệu tranh biện và đối thoại để khai thác sâu sắc đời sống nội tâm và tâm hồn phong phú của nhân vật. Tập truyện ngắn *Câu chuyện bắt đầu từ những đứa trẻ* của Vũ Thị Thường là một trong những minh chứng tiêu biểu cho kiểu giọng điệu trần thuật này. Trong truyện ngắn *Con yêu con ghét*, nhân vật Bớt đối diện với sự phân biệt đối xử của mẹ mình, khi bà luôn yêu thương chị Nờ hơn. Cuộc đối thoại căng thẳng giữa Bớt và mẹ đã phơi bày sự mâu thuẫn âm ỉ trong lòng nhân vật, khi Bớt hỏi mẹ: “Bu định kiện chị Nờ hay sao đây?” (Vu, 1977, p. 12). Mẹ Bớt lảng tránh, biện minh rằng Nờ hiếu nghĩa còn Bớt bị bỏ rơi. Căng thẳng trong câu chuyện tăng cao khi hai nhân vật đối lập quan điểm về tình yêu và sự công bằng trong gia đình. Còn trong truyện ngắn *Kiện tướng* (cũng thuộc tập *Câu chuyện bắt đầu từ những đứa trẻ* của Vũ Thị Thường), đoạn đối thoại căng thẳng giữa ông Vi và ông Bách về chuyện giấy mời họp đã thể hiện rõ nét sự đối lập trong cách nhìn nhận và cách ứng xử giữa hai thế hệ. Khi ông Vi nổi giận và hét lên: “Thôi im đi!”, ông Bách vẫn giữ giọng ôn hòa và giải thích tình huống (Vu, 1977, p. 14).

Nguyễn Thị Ngọc Tú cũng là một cây bút trong giai đoạn này thường xuyên sử dụng giọng điệu đối thoại trong các sáng tác của mình. Nhà văn đã khéo léo lồng vào những tranh luận về các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể. Ta bắt gặp mâu thuẫn gay gắt giữa hàng xóm láng giềng trong truyện ngắn *Chuyện ngày thường* qua cuộc xích mích giữa Thuần và Mùi. Hai nhân vật đã “đốp chát” nhau qua lại về việc bị vứt rác thải trước cửa nhà, tạo ra một tình huống tranh cãi thường gặp trong cuộc sống đời thường. Tuy nhiên, với cái nhìn nhân văn nữ tính, Nguyễn Thị Ngọc Tú đã hoà giải tình huống bằng cách để

cho nhân vật Thuần tìm ra vẻ đẹp trong con người Mùi và thay đổi cách nhìn nhận ác cảm, tạo nên sự thay đổi tích cực trong mối quan hệ giữa hai nhân vật: “Một cái gì sụp đổ trong lòng chị cũng vừa có một cái gì mới được xây lên...”, chị nghĩ “không thể nào đánh giá con người bằng một vài sinh hoạt lật vặt hằng ngày... Phẩm chất của con người chính là phẩm chất của sản phẩm mà họ làm ra...” (Nguyễn, 1981, p. 75-87). Không lạc quan như trong *Chuyện ngày thường*, với tác phẩm *Đá dăm trắng*, Nguyễn Thị Ngọc Tú lại cho thấy cái nhìn lạnh lùng về xã hội thực dụng đầy ích kỷ. Đoạn đối thoại giữa nhân vật “tôi” và cửa hàng trưởng đã phản ánh bản chất của cơ chế bao cấp, nơi những người có quyền trong việc phân phối hàng hóa thường lộng hành, hạch sách người dân. Cuộc đối thoại này đã phơi bày một góc khuất của xã hội thời kỳ đó, cho thấy sự bất công và lợi dụng quyền lực của một số cá nhân: “Chúng em làm ở Công ty sửa chữa cầu đường, nhiệm vụ của chúng em là sửa chữa những con đường cũ và làm thêm những đoạn đường mới. Nơi làm việc của chúng em luôn luôn di chuyển, trên đầu của chúng em chỉ có cái nón để che nắng che mưa, nhà của chúng em là một cái xe hò, một cái bụng ô tô vận tải hông có mái che...” (Nguyễn, 1987, p. 28-29). Còn trong truyện ngắn *Câu chuyện dưới tán lá rops*, Nguyễn Thị Ngọc Tú lại khắc họa sự tranh chấp giữa hai nhân vật chính - Mạc và người kể chuyện - về việc ai là người chăm sóc bé Tiến. Cuộc đối thoại gay gắt này thể hiện giọng điệu cứng rắn của cả hai nhân vật khi họ tranh luận về quyền lợi và trách nhiệm. Mạc cố gắng bảo vệ quyền của mình đối với bé Tiến, trong khi người kể chuyện phản đối kịch liệt, cho thấy sự căng thẳng sâu sắc giữa họ: “Cậu nghĩ sao khi đây là con tớ, vợ tớ và ngôi nhà này dựng lên đúng ý định của tớ ngày ra đi?” (Nguyễn, 1981, p. 85).

Giọng điệu tranh biện, đối thoại tiếp tục xuất hiện trong tác phẩm của các nhà văn khác như Nguyễn Thị Như Trang và Dương Thu Hương. *Câu chuyện ở cửa rừng* của Nguyễn Thị Như Trang là cuộc đối đầu giữa hai nhân vật Nại và viên trung úy. Sự tranh chấp về quyền lực và sức mạnh cũng là sự đối đầu tâm lý sâu sắc, trong đó, Nại phải kiềm chế sự căm ghét đối với kẻ thù, dù cả hai đều cố gắng giữ vẻ bề ngoài hòa bình. Sự tranh biện trong lời nói giữa hai nhân vật này thể hiện rõ sự căng thẳng mà không cần sử dụng đến hành động trực tiếp. Với trường hợp Dương Thu Hương, trong bối cảnh văn học Việt Nam hậu chiến (1975-1985), truyện ngắn của bà trở thành một hiện tượng đáng chú ý, là một minh chứng rõ ràng cho sự đổi mới trong nghệ thuật trần thuật, đặc biệt qua việc sử dụng giọng điệu như

một phương tiện để phản ánh và chất vấn hiện thực. Những tranh luận về tư tưởng và quan điểm của bà trong thời kỳ sau này xin được bỏ qua, chỉ tập trung vào những đóng góp của bà trong sự phát triển của truyện ngắn nữ 1975-1985 nói chung và đặc biệt là trong việc định hình giọng điệu trần thuật nói riêng. Tiếp tục với giọng điệu tranh biện, đối thoại, đây là loại giọng điệu xuất hiện khá nhiều trong các tác phẩm của Dương Thu Hương. Trong truyện ngắn *Ngôi nhà trên cát*, các nhân vật thể hiện sự đối lập về quan điểm qua các đoạn đối thoại tranh biện. Trong một cuộc tranh luận về thơ của Vũ Quý, một nhân vật chê bai và cho rằng thơ của anh thiếu sáng tạo, trong khi người khác lại đặt câu hỏi về tính nghiêm túc của lời phê phán đó. Sự căng thẳng trong đoạn đối thoại này được đẩy lên cao khi một nhân vật còn thách thức và đặt cược về quan điểm của mình, làm nổi bật tính chất tranh luận: “Ông có cường điệu không đây? - Tôi nói nghiêm chỉnh...”; “- Ông nói thật một trăm phần trăm đây à? - Thật. Ông có dám cược với tôi một bữa đi chơi chợ Châu Long không?” (Duong, 1983, p. 7).

Trần Thùy Mai cũng là một nhà văn sáng tác sung sức trong giai đoạn này. Truyện ngắn *Chiếc quạt máy* của bà cho thấy cuộc đối thoại căng thẳng của vợ chồng Tuấn - Loan, qua đó, sự va chạm trong cuộc sống gia đình từ những điều nhỏ nhặt hàng ngày cũng được khắc họa sinh động. Chỉ vì một chiếc quạt máy, hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng đến mức phải đồ vỡ trong hôn nhân. Tuấn, trong cơn giận dữ, đã để lại lời vĩnh biệt đau đớn, còn Loan không ngừng hối hận và day dứt khi thấy mối quan hệ của họ tan vỡ: “em muốn em hiểu rằng anh ân hận vì mình đã không tìm đủ cách cho nhau sung sướng. Và anh luôn luôn mong có bóng mát cho em trong cuộc đời. Vĩnh biệt” (Tran & Ly, 1984, p.44). Và cô vợ chỉ thốt lên ân hận, day dứt: “Không, không... Tại sao không phải là tạm biệt?” (Tran & Ly, 1984, p.45-46).

Sự phong phú của giọng điệu và những cuộc đối thoại tranh biện trong các truyện ngắn nữ giai đoạn này đã tạo nên một bức tranh đa thanh, phức điệu về cuộc sống và con người, làm nổi bật sự đa dạng và phức tạp trong các mối quan hệ xã hội. Các nhà văn nữ đặc biệt chú trọng đến các vấn đề đạo đức nhân sinh và xây dựng một quan niệm mới về nhân cách trong bối cảnh xã hội hậu chiến. Với sự thay đổi trong quan niệm nghệ thuật về con người, giọng điệu trong các tác phẩm sau năm 1975 cũng có sự biến chuyển. Sự xuất hiện thường xuyên của các cuộc trao đổi nhanh giữa người kể chuyện và nhân vật không phải là ngẫu nhiên. Những cuộc hội thoại diễn ra liên tục, với các câu hỏi và câu trả lời đan

xen, tạo nên sự kết nối chặt chẽ trong ngôn ngữ của nhân vật, làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn và lôi cuốn độc giả. Trong nhiều tác phẩm, lời thoại thể hiện trải nghiệm cá nhân một cách tự nhiên, thoải mái, qua đó phản ánh một quan niệm mới về con người và hiện thực. Điều này không chỉ giúp các nhân vật trong câu chuyện mà còn giúp mỗi người đọc tìm ra những giải pháp thích hợp khi đối mặt với các tình huống tương tự trong cuộc sống.

3.2. Giọng điệu suy luận, triết lý

Bên cạnh giọng điệu tranh biện và đối thoại, giọng điệu suy luận, triết lý cũng xuất hiện khá phổ biến trong truyện ngắn giai đoạn 1975-1985. Các nhà văn nữ luôn có ý thức đan xen, lồng ghép các câu chuyện nhằm làm nổi bật những vấn đề tư tưởng của tác phẩm. Vì vậy, giọng điệu suy luận và triết lý giúp họ dễ dàng phản ánh những biến chuyển về tư tưởng và cảm xúc trong bối cảnh đất nước bước vào thời kỳ hậu chiến với nhiều khó khăn và thách thức. Các nhà văn đã khéo léo sử dụng giọng điệu này để không chỉ tạo chiều sâu cho tác phẩm mà còn khơi gợi sự suy ngẫm của người đọc về những giá trị tinh thần của con người và xã hội.

Trần Thùy Mai là một trong những tác giả tiêu biểu sử dụng giọng điệu triết lý này một cách hiệu quả. Trong *Bài thơ về biển khơi* và *Cuốn sách*, bà đã thành công khi khơi dậy những suy tư sâu sắc của các nhân vật về cuộc sống và con người. Trong truyện ngắn *Cuốn sách*, nhân vật Kim đối mặt với cuộc xung đột giữa tình yêu sách và áp lực tài chính của gia đình. Cô tự vấn bản thân về giá trị của tri thức và cảm thấy lo sợ rằng mình có thể đánh mất bản ngã nếu quá tập trung vào vật chất: “Nhưng lòng Kim hơi rộn lên khi nghĩ đến tương lai Dĩ thực vi tiên... Cứ cái đà này thì một ngày kia mình cũng chẳng còn là mình nữa...” (Tran, 1983, p.34). Suy nghĩ này không chỉ thể hiện sự đấu tranh nội tâm của nhân vật mà còn chứa đựng những thông điệp triết lý sâu sắc về mâu thuẫn giữa nhu cầu vật chất và giá trị tinh thần. Tương tự, trong *Ở một nơi xa xôi*, Trần Thùy Mai tiếp tục khai thác giọng điệu suy luận khi thể hiện những suy nghĩ của ngoại về việc ra đi của mẹ bé Nơ. Mặc dù không trực tiếp giải thích, nhưng qua lời kể của ngoại, người đọc nhận ra sự suy tư sâu xa về những quyết định nhanh chóng nhưng có hệ quả kéo dài cả đời: “Làm sao Nơ hiểu được trong đời có những chuyện lẽ ra phải suy nghĩ hàng năm trời nhưng phải quyết định sau vài nháy mắt...” (Tran, 1983, p. 35). Đây là một triết lý tinh tế về cuộc đời, cho thấy con người đôi khi buộc phải đưa ra quyết định lớn trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà không thể lường trước được hậu quả. Còn trong *Một*

chút màu xanh, giọng điệu suy luận và triết lý lại thể hiện qua những suy nghĩ của nhân vật về cuộc sống hôn nhân và những thay đổi sau khi kết hôn. Tác giả đặt ra những triết lý sâu sắc về sự biến đổi trong mối quan hệ vợ chồng, khi những hy vọng ban đầu dần bị thay thế bởi sự thất vọng và thực tế trần trụi: “Không phải chỉ là chuyện chiếc quạt mà còn là ý muốn thiết tha tạo điều kiện để sống hạnh phúc với nhau” (Tran, 1983, p. 38). Điều này phản ánh một triết lý nhân sinh về cuộc sống gia đình, rằng hạnh phúc trong hôn nhân không chỉ dựa trên vật chất mà còn ở sự cố gắng và hy vọng, dù nhiều khi những mong đợi ấy không đạt được.

Trong hai tác phẩm *Hoa hướng dương* và *Huyền thoại về chim phượng*, Trần Thủy Mai một lần nữa đã đưa giọng điệu triết lý của mình lên một tầm cao mới khi tạo ra những biểu tượng của niềm tin và hy vọng. Trong *Hoa hướng dương*, mẹ bé Lan giải thích về loài hoa luôn hướng về phía mặt trời, tượng trưng cho sự kiên định và lòng trung thành: “Vi hoa hướng dương bao giờ cũng quay về hướng mặt trời. Con biết không, trong các loài hoa nó là quý nhất” (Tran, 1983, p. 56). Hình ảnh hoa hướng dương ở đây trở thành biểu tượng của niềm hy vọng, của sự kiên cường hướng về phía ánh sáng, dù cho cuộc đời có khó khăn đến đâu. Và trong *Huyền thoại về chim phượng*, nhân vật ông Ninh suy tư về sự tái sinh từ tro bụi của chim phượng: “Nhưng từ lớp tro ấy một chú sâu non nà xuất hiện... Đời này qua đời khác, từ chết mà sinh, từ hủy diệt mà tái sinh...” (Tran, 1983, p. 98). Câu chuyện về chim phượng không chỉ là một câu chuyện thần thoại mà còn là một ẩn dụ sâu sắc về cuộc sống, về cách con người phải đối mặt với những khó khăn và tái sinh sau những thất bại.

Không chỉ tập trung vào những vấn đề của phụ nữ, giọng điệu suy luận và triết lý trong các tác phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Tú lại xoáy sâu vào các vấn đề xã hội rộng lớn hơn. Trong *U minh nước đỏ*, nhân vật chị Tư đã rút ra một kết luận đáng suy ngẫm khi đối thoại với người bán dưa: “Danh dự của người ta tiền đâu mua được!” (Nguyễn, 1987, p. 95). Câu nói này thể hiện một triết lý sâu sắc về giá trị của danh dự, nhấn mạnh rằng có những thứ trong cuộc đời không thể mua được bằng tiền và danh dự là điều thiêng liêng nhất đối với con người. Còn trong truyện ngắn *Đá dăm trắng*, Nguyễn Thị Ngọc Tú lại phản ánh những triết lý về công bằng xã hội và sự chênh lệch quyền lực trong thời kỳ bao cấp. Nhân vật “tôi” tự vấn về sự bất công trong cuộc gặp với bà cửa hàng trưởng: “Phải chăng cái khác nhau giữa tôi và bà ta ở chỗ trong tay bà ta có hàng hóa còn trong tay tôi chỉ có cuộc xèng, đá to và đá bé?” (Nguyễn, 1987, p. 36). Sự bất lực của nhân vật trước

quyền lực vật chất đã gợi mở một triết lý sâu sắc về xã hội, về sự phân biệt giữa những người có quyền và người không có quyền trong một hệ thống còn nhiều bất cập.

Giọng điệu suy luận, triết lý có vẻ là thế mạnh của các nhà văn nữ giai đoạn này. Trong hầu hết các tác phẩm của mình, các tác giả như Dạ Ngân, Lê Thị Mỹ đều thể hiện tư tưởng nhân văn, bênh vực con người từ góc nhìn thiên tính nữ đặc thù. Dạ Ngân sử dụng giọng điệu triết lý để khắc họa những bi kịch xã hội, đặc biệt là sự căm dỗ của đồng tiền và những hệ quả của nó đối với đạo đức con người. Trong *Hài kịch cuối đời*, nhân vật Hai Kiên đã triết lý về giá trị của đồng tiền và thể diện của con người: “Ồi thể diện, nếu nó là cái bánh trắng để con người lật qua, lật lại thì ngọn lửa làm nó nở nang, phồng phao...” (Da, 1986, p. 124). Giọng điệu này không chỉ phản ánh sự trăn trở về mặt đạo đức mà còn chứa đựng những triết lý sâu sắc về mối quan hệ giữa tiền bạc và lòng tự trọng. Còn với Lê Thị Mỹ, bằng chất giọng trữ tình pha triết lý, bà đã thành công trong việc khám phá thế giới nội tâm của nhân vật nữ. Trong *Bản nhạc con hươu buồn*, nhân vật suy ngẫm về tình yêu và sự mất mát: “Vân mới dám bạo dạn ngắm kỹ anh kéo sọt ảnh ngày trơ trên làm đồ vỡ thêm trong lòng Vân những ảo ảnh xưa nay chỉ mình Vân biết đến, giữ gìn.” (Le, 1985, p. 35). Những dòng suy nghĩ này không chỉ thể hiện sự chiêm nghiệm về tình yêu mà còn chứa đựng những triết lý sâu sắc về ảo ảnh và thực tại.

Nhìn chung, giọng điệu suy luận và triết lý trong các truyện ngắn của Trần Thủy Mai, Nguyễn Thị Ngọc Tú, Dạ Ngân, Lê Thị Mỹ,... đã góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn học giai đoạn 10 năm đầu hậu chiến. Nó không chỉ giúp khai thác sâu sắc những vấn đề về con người và xã hội mà còn khơi gợi người đọc suy ngẫm về các giá trị nhân sinh và cách con người đối diện với những thách thức trong cuộc sống.

3.3. Giọng xót xa, thương cảm

Nếu hai giọng điệu tranh biện, đối thoại và suy luận, triết lý tạo nên tiếng nói nghệ thuật ngang hàng của các tác giả nữ trên thị trường văn học vốn dĩ được khẳng định bởi âm hưởng nam quyền thì với giọng điệu xót xa, thương cảm, các tác giả nữ đã khẳng định thế mạnh nữ tính đặc thù của mình, tạo nên một dòng văn học mang đậm âm hưởng nữ quyền có giá trị. Có thể nói, giọng điệu xót xa, thương cảm là giọng điệu “chủ âm” trong truyện ngắn nữ giai đoạn 1975-1985, tạo một dấu ấn đặc trưng của các nhà văn nữ. “Chủ âm” trong văn học được hiểu là yếu tố trọng tâm, có khả năng chi phối

và sắp xếp toàn bộ cấu trúc của một tác phẩm, đồng thời kết nối và ảnh hưởng đến các yếu tố khác, tạo nên sự nhất quán và chiều sâu cho câu chuyện. Vậy có thể nói, giọng xót xa, thương cảm là tone chính đầy cảm động về thân phận con người, cụ thể hơn là thân phận nữ giới, trong bản giao hưởng truyện ngắn nữ Việt Nam giai đoạn 1975-1985.

Trong thời kỳ hậu chiến, các nhà văn nữ không chỉ phải đối mặt với những khó khăn xã hội mà còn đi sâu vào việc khám phá số phận con người, đặc biệt là phụ nữ. Xã hội Việt Nam giai đoạn này hứng chịu nhiều tổn thất cả về vật chất lẫn tinh thần và các nhà văn nữ thường thể hiện rõ những vết thương chiến tranh chưa lành, nhất là những đau khổ tinh thần mà người phụ nữ phải chịu đựng. Giọng điệu xót xa, thương cảm trở thành nét đặc trưng trong việc miêu tả những mất mát, sự hy sinh của gia đình và người thân, cũng như những khó khăn chưa thể vượt qua ngay cả khi hòa bình đã lập lại. Khi đất nước bước vào giai đoạn tái thiết, phụ nữ đóng vai trò vô cùng quan trọng, nhưng bên cạnh đó, họ vẫn phải gánh chịu những áp lực từ truyền thống gia đình và xã hội đầy khắc nghiệt.

Trong các tác phẩm thời kỳ này, các nhà văn nữ thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với những nỗi đau và sự hy sinh âm thầm của phụ nữ. Giọng điệu thương cảm được sử dụng để bộc lộ những vết thương thể chất và tinh thần, là sự bất lực trong nhiều hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc sống. Tình yêu, qua lăng kính của các tác phẩm, thường được miêu tả như một chốn trú ẩn, nhưng đầy sự cô đơn và lạc lõng. Tình yêu không còn mang màu sắc lãng mạn mà trở thành một thử thách chứa đựng nỗi buồn, bất an, thậm chí là tuyệt vọng. Giọng điệu này thể hiện rõ nét qua những suy tư về tình yêu dang dở, những câu chuyện chia ly, mất mát. *Truyện ngắn Bài thơ về biển khơi* của Trần Thùy Mai đã sử dụng giọng điệu xót xa, thương cảm để khắc họa nỗi cô đơn và khát vọng tự do của cô gái trẻ sống cùng người cha nghiêm khắc bên bờ biển. Cuộc sống của cô bị giam cầm cả về thể xác lẫn tâm hồn và những ước mơ tuổi trẻ của cô bị giới hạn bởi người cha: “Cô gái nhỏ thấy lần lượt hiện ra từng lùm, từng lùm cây xanh lấp lánh trên sườn dốc...” (Tran, 1983, p. 142). Khi cô gặp nhà thơ, một tia hy vọng lóe lên trong cuộc sống tù túng của cô, nhưng mối quan hệ này nhanh chóng tan biến khi nhà thơ rời đi. Cảm giác tiếc nuối và cô đơn lại trở về: “Anh là người đã nói cho cô nghe về tiếng sóng...” (Tran, 1983, p. 148). Hình ảnh cô gái nhớ lại nhà thơ và những khoảnh khắc hy vọng ngăn ngui thể hiện nỗi đau tinh thần sâu sắc khi cô không thể thoát khỏi cuộc sống cô độc và bị kiểm soát. Người cha, với hành động dùng kẽm gai rào đoạn tường,

càng làm tăng thêm sự đau đớn và ngăn cách: “Đề được yên tâm hơn, ông già dùng kẽm gai rào kín đoạn tường thấp” (Tran, 1983, p. 140). Còn trong truyện ngắn *Có một đêm như thế* của Phạm Thị Minh Thư, giọng điệu xót xa, thương cảm nổi bật qua những ký ức đau buồn về chiến tranh và sự mất mát mà nhân vật Miên phải chịu đựng. Những cảm xúc phức tạp về tình yêu, nỗi đau và sự tiếc nuối hiện rõ qua sự hồi tưởng của Miên. Khi nhớ lại cái chết của Kiệm, bạn của Lai, giọng điệu đầy thương cảm: “Cách đây hai ngày anh và các bạn anh đã mai táng cho Kiệm cùng hai người nữa. Riêng Kiệm, thật thương tâm, thi hài cậu ấy chỉ là một mảnh áo...” (Nhieu, 1981, p. 24). Nỗi buồn và sự mất mát còn xuất hiện khi Miên nghĩ về tình yêu dang dở với Lai. Trong bức thư của Lai gửi Luật sư, cảm giác tiếc nuối hiện rõ: “Giờ đây, nếu sau trận pháo này anh có mặt trong số vội đi, thì nghĩa là cuộc gặp gỡ sẽ không bao giờ có” (Nhieu, 1981, p. 17). Qua những ký ức này, nỗi đau của Miên được miêu tả chân thực và sâu sắc.

Sau chiến tranh, xã hội chuyển sang một giai đoạn mới với nhiều biến động về chính trị, kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, trong sự biến đổi đó, nhiều người, đặc biệt là phụ nữ, cảm thấy lạc lõng và bơ vơ. Các tác phẩm văn học nữ trong giai đoạn này thường thể hiện sự xót xa trước hoàn cảnh khắc nghiệt và lòng thương cảm dành cho những con người không thể tự vượt qua thử thách mới của cuộc sống. Các nhà văn thường sử dụng lối tự sự nhẹ nhàng, sâu lắng để diễn tả tâm tư nhân vật, khắc họa cuộc sống qua những chi tiết nhỏ nhặt, những khoảnh khắc thất vọng và những nỗi niềm khó có thể nói ra. Chính giọng điệu xót xa, thương cảm đã giúp tạo nên sự gần gũi, đồng cảm với độc giả, đồng thời làm nổi bật nỗi đau và sự hy sinh của các nhân vật trong tác phẩm.

Trong truyện ngắn *Bà nội* của Thanh Hương, giọng điệu xót xa, thương cảm được thể hiện rõ qua nhân vật bà Mạc. Tâm trạng của bà khi nghe tin con dâu qua đời thể hiện qua hình ảnh bà “vịn vào bờ rào, mặt mày xây xẩm” (Nhieu, 2000, p. 67). Bà lo lắng cho tương lai của các cháu, đau đớn khi con trai mình quyết định lấy Thảo - một người phụ nữ có con riêng. Mâu thuẫn nội tâm sâu sắc khi bà không thể chấp nhận sự lựa chọn của con: “Bà cảm thấy tay chân bải hoải, đầu đau như ai giật lấy từng tấc tóc” (Nhieu, 2000, p. 68). Về sau, khi Thảo bệnh nặng, bà nhận ra tình cảm thực sự của mình và cảm thấy ân hận vì đã không sớm mở lòng với con dâu: “Phải chi ngày ấy mình không quá nghĩ, không quá nghe người ngoài...” (Nhieu, 2000, p. 69). Tình thương của bà dành cho Thảo và cả đứa cháu Tuyết - con

riêng của Thảo - cũng dần thay đổi, thể hiện qua những suy nghĩ đầy xót xa: “Cha bố con với cái. Nó bắt mẹ nó phải đi hầu con thiên hạ như thế này đây” (Nhieu, 2000, p. 69). Sự ân hận, thương cảm và nỗi đau của bà Mạc tạo chiều sâu cảm xúc trong câu chuyện, đặc biệt khi Thảo đổ bệnh và bà lo lắng cho sức khỏe của con dâu: “Khổ cái bác Khoát lúc nào cũng nghe chữ tác ra chữ tội không biết điện thế nào mà để bà nội hoảng sợ thế này?” (Nhieu, 2000, p. 70).

Tập truyện *Ban mai yên ả* của Dương Thu Hương cũng mang giọng điệu xót xa, thương cảm qua những câu chuyện về mối quan hệ của con người, sự mất mát và nỗi đau trong cuộc sống. Trong *Thành phố những cánh bướm*, nhân vật chính cảm nhận sự đau đớn qua việc mất đi một người bạn mà không lời từ biệt: “Đó là nỗi thất vọng lớn lao nhất của tuổi mười bảy...”. Còn trong *Một ca khúc buồn*, hình ảnh “chiếc khóa to tướng đen sì” trên cửa nhà Vũ Giản là biểu tượng cho sự cô đơn và mất mát sau chiến tranh, khi người lính trở về đối mặt với cuộc sống đầy khó khăn và xa lạ. Trong các truyện ngắn khác của Dương Thu Hương như *Sói con*, *Câu chuyện một diễn viên*, và *Chuyện nghe thấy mà không nhìn thấy*, giọng điệu xót xa, thương cảm tiếp tục được khai thác hiệu quả. Những nhân vật trong các truyện này đều đối diện với sự cô đơn, đau khổ và mất mát, làm nổi bật mâu thuẫn giữa ước mơ tốt đẹp và thực tại đầy đổ vỡ. Trong *Chuyện nghe thấy mà không nhìn thấy*, cuộc sống của những người mù trong căn chung cư chật hẹp được miêu tả đầy thương cảm, đặc biệt là sự im lặng đầy đau đớn của người cha khi bị con trai đánh, cùng với tiếng ghen ngào của đứa con: “con vẫn thương bố”. Có thể nói, giọng điệu xót xa, thương cảm trong các tác phẩm của Dương Thu Hương và các nhà văn nữ khác đã

khắc họa rõ nét những nỗi đau và sự mất mát của con người, đặc biệt là phụ nữ trong bối cảnh hậu chiến. Giọng văn này giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn về sự phức tạp của cảm xúc và thân phận con người trong những giai đoạn khó khăn của lịch sử.

Nhìn chung, giọng điệu xót xa, thương cảm là yếu tố nổi bật trong nhiều tác phẩm văn học nữ, thể hiện sự đồng cảm sâu sắc với nỗi đau và mất mát của con người, đồng thời làm nổi bật những khía cạnh cảm xúc phức tạp của cuộc sống. Giọng điệu xót xa, thương cảm là một yếu tố quan trọng, tạo nên dấu ấn đặc trưng cho truyện ngắn của các nhà văn nữ giai đoạn 1975-1985.

4. KẾT LUẬN

Thông qua việc khai thác những nỗi đau chiến tranh, số phận phụ nữ và các vấn đề mới của xã hội, các nhà văn nữ giai đoạn 1975-1985 đã xây dựng nên một dòng văn học giàu tính cảm thông và nhân văn sâu sắc. Sự trầm buồn và suy tư về cuộc sống, cùng sự bấp bênh của thân phận con người trong bối cảnh hậu chiến, đã mang đến cho văn học nữ một giọng điệu đặc thù trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Nếu giọng đối thoại, tranh biện thể hiện cái nhìn phê phán hiện thực; giọng suy ngẫm, triết lý diễn tả những trăn trở sâu sắc về cuộc sống; thì giọng điệu xót xa, thương cảm được xem là chủ âm của văn học nữ giai đoạn này. Sự đổi mới về giọng điệu trong văn xuôi, đặc biệt là truyện ngắn nữ Việt Nam thời kỳ 1975-1985, vừa là kết quả, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển trong tư duy nghệ thuật. Các giọng điệu này đã góp phần tạo nên phong cách riêng biệt cho truyện ngắn nữ trong thập kỷ đầu tiên sau hòa bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Dương, T. H. (1983). *Ngoi nhà trên cat*. Văn nghe quan doi magazine. Hanoi (in Vietnamese).
- Tran, T. M. (1983). *Bai tho ve bien khoi*. Thuan Hoa Publishing House. Hue (in Vietnamese).
- Tran, T. M., & Ly, L. (1984). *Co hat*. Tac Pham Moi Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Le, T. M. (1985). *Trang tren cat*. Thuan Hoa Publishing House. Hue (in Vietnamese).
- Da, N. (1986). *Quang doi am ap*. Phu Nu Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Nhieu, T. G. (1981). *Co mot dem nhu the* (Short story collection won the Văn nghe quan doi Magazine Award in 1981). Văn nghe quan doi magazine. Hanoi (in Vietnamese).

- Nhieu, T. G. (1992). *Dictionary of literary terms*. Giao Duc Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Nhieu, T. G. (2000). *80 Vietnamese female authors*. Thanh Nien Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Vu, T. T. (1977). *Cau chuyen bat dau tu nhung dua tre*. Tac Pham Moi Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Nguyen, T. N. T. (1981). *Cau chuyen duoi tan la rop*. Phu Nu Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).
- Nguyen, T. N. T. (1987). *Khoang troi phia sau nha*. Tac Pham Moi Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).